



dā shàn

搭讪

verb · strike up a conversation; accost

Example Sentences

Tā zài kā fēi diàn lǐ zhǔ dòng dā shàn yī wèi nǚ shēng
他在咖啡店里主动搭讪一位女生。

He proactively hit on a girl in the coffee shop.

Dā shàn mò shēng rén xū yào hěn dà de yǒng qì
搭讪陌生人需要很大的勇气。

Hitting on a stranger requires a lot of courage.

Trace each character, then write the word on your own.

搭	搭	搭	搭	搭	搭	搭	搭	搭	搭	搭
搭	搭	搭	搭							
讪	讪	讪	讪	讪	讪	讪	讪			